TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N1
THÀNH PHỐ C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/DS - ST
Ngày: 19 – 4 – 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N1, THÀNH PHỐ C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1, thành phố C tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N1 tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số B0/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: B0/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *N đơn*: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986 – có mặt.

  Địa chỉ: 10C/10 V, khu vực B, phường B2, quận B1, thành phố C.

- *Bị đơn*: Bà **Thái Trần Thảo N**, sinh năm 1986 – vắng mặt.

  Địa chỉ: 8/8 M, phường X, quận N1, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết N đơn trình bày*:**

Từ chỗ là bạn học chung thời Phổ Thông, quen thân với nhau nên đến năm 2020 vợ chồng bà N gặp ông và đề nghị mượn tiền để xây sửa nhà phục vụ cho việc kinh doanh quán Chè (*Quán Chè N Đặng*) và đầu tư vườn du lịch sinh

thái theo kế hoạch lâu dài. Tin tưởng vào lời trình bày và các dự án mà bà N đưa ra nên ông đã thống nhất chuyển khoản tiền và giao tiền mặt theo nhiều lần cho bà N.

Đến đầu năm 2023 khi nhận thấy việc đầu tư kinh doanh của bà N không hiệu quả nên ông đã đề nghị bà N tranh thủ trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông theo đúng thoả thuận ghi trên Biên nhận nợ (Giấy Biên nhận ngày 15/02/2021). Lúc đấy bà N đồng ý và nói sẽ dùng hai tài sản của bà N để vay Ngân hàng và trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông. Tuy nhiên, sau này tìm hiểu ông biết rằng hai tài sản của bà Thái Trần Thảo N đã nói gồm:

+ Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa đất 26B, Tờ bản đồ 3. Địa chỉ: hẻm 8, đường M, phường X, C đã thế chấp vay tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- PGD X theo Hợp đồng số 114/2021/HDBD/PVB-PGDXKH ngày 22/10/2021.

+ Ba tờ Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa đất 1225, Tờ bản đồ 3; Thửa đất 181, Tờ bản đồ 3; Thửa đất 433, Tờ bản đồ 1. Cùng địa chỉ: Đường cập Rạch Ông Dựa, KV Bình Dương A, phường Long Tuyền, quận B2, TP. C đã thế chấp vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) Chi Nhánh C theo Hợp đồng số 141/SL/2020/HDCV ký ngày 05/05/2020; Hợp đồng số 38/SL/2020/HDCV ký ngày 14/08/2020, Hợp đồng số 68B/SL/2020/HĐCV ký ngày 30/12/2020.

Nhận biết được sự việc bà N cố tình trì hoãn hứa hẹn rất nhiều lần nói bán hai tài sản nêu trên để trả lại tiền cho ông nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Nay ông Trần Thanh T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Thái Trần Thảo N phải có trách nhiệm trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà hôm nay:

N đơn giữ N yêu cầu khởi kiện buộc bà Thái Trần Thảo N phải có trách nhiệm trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1 phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Các bên tranh chấp từ khoản tiền nợ do vay tiền, bị đơn còn nợ N đơn và chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Toà án nhân dân quận N1 thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng

quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì N đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

- Tòa án tính án phí theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía bị đơn bà Thái Trần Thảo N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại UBND phường X và tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận N1 nhưng bị đơn bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 22B, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý*: Giữa N đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện bằng văn bản, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên N đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận N1, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc N đơn ông Trần Thanh T và bị đơn bà Thái Trần Thảo N có giao dịch vay mượn thể hiện bằng "*Biên nhận ngày*

15/02/2021" số tiền cho vay là 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)*. Biên nhận có chữ kỹ xác nhận của bị đơn, hơn nữa trong quá trình toà án giải quyết có tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ cho bị đơn, bị đơn vắng mặt xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay mượn giữa N đơn và bị đơn là có thật nên yêu cầu khởi kiện của N đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất N đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N1, thành phố C là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của N đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ gốc phải trả cho N đơn theo quy định của pháp luật là 1.500.000.000 đồng, án phí tương ứng: 5B.000.000 đồng *(năm mươi bảy triệu đồng)*.

N đơn được nhận lại 28.500.000 đồng (*hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00006B2 ngày 15/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N1, thành phố C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ*:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 14B, Điều 22B, Điều 228, Điều 2B1 và Điều 2B3 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điểm 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn bà Thái Trần Thảo N.

Buộc bà Thái Trần Thảo N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh T số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày N đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn (bà N) chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 35B, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Thái Trần Thảo N phải chịu: 5B.000.000 đồng *(năm mươi bảy triệu đồng)*.

N đơn được nhận lại 28.500.000 đồng (*hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00006B2 ngày 15/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N1, thành phố C.

3. Về quyền kháng cáo: N đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, B, Ba, Bb và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *Chi cục THADSQNK;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG